

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 235/2018/DS-PT

Ngày: 02-10-2018

V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04/9/2018 và ngày 02/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Huỳnh Văn P, sinh năm: 1946 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 1014, ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn P là Trợ giúp viên pháp lý Lê Hồng D, Trần Hồng Tr – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước và Luật sư

Phan Văn M – Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (bà D, bà Tr có đơn xin vắng mặt, Luật sư M có mặt).

1.2. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1947 (đã chết);

Địa chỉ: Số nhà 1014, ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T gồm:

1.2.1. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Số nhà 1014, ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

1.2.2. Chị Huỳnh Thị Thanh Y, sinh năm: 1971;

1.2.3. Anh Huỳnh Thanh M1, sinh năm: 1973;

1.2.4. Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1977;

1.2.5. Anh Huỳnh Thanh Đ, sinh năm: 1983;

1.2.6. Chị Huỳnh Thị Thanh Y1, sinh năm: 1986;

1.2.7. Chị Huỳnh Thị Thúy P1, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

1.2.8. Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Ấp 1, xã O, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1 là ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1946; Địa chỉ: Số nhà 1014, ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017, ngày 17/7/2018, ngày 27/7/2018 và ngày 01/8/2018).

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Tùng T1, sinh năm: 1941 (có mặt);

2.2. Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1955 (có mặt);

2.3. Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp. Do ông Lê Văn Th, sinh năm 1952 – Trưởng Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B làm đại diện (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Quốc lộ 31, khóm Tân Đông F, thị trấn A, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn E – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2018) (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Lê Văn Q1, sinh năm 1921 (vắng mặt);

3.3. Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1958;

3.4. Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1987;

3.5. Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1992;

3.6. Huỳnh Thanh S, sinh năm: 1977;

3.7. Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm: 1978;

3.8. Nguyễn Trường G, sinh năm: 1970;

3.9. Huỳnh Thị Thanh Y, sinh năm: 1971;

3.10. Huỳnh Thanh M1, sinh năm: 1973;

3.11. Nguyễn Thị Y2, sinh năm: 1976;

3.12. Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm: 1995;

3.13. Nguyễn Vũ L1, sinh ngày 13/4/2000.

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy Tr1, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Thị Y2, chị Nguyễn Thị Thùy Tr1, anh Nguyễn Vũ L1 là ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1946; Địa chỉ: Số nhà 1014, ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017, ngày 01/6/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T2, anh Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Tuyết L1 là ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 30/3/2018).

4. Người làm chứng:

4.1. Trần Thị Nh, sinh năm: 1948 (có mặt);

4.2. Nguyễn Thị Tuyết A1, sinh năm: 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Z, huyện V, tỉnh An Giang.

4.3. Nguyễn Thị Bích Y1, sinh năm: 1952 (vắng mặt);

4.4. Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1955 (vắng mặt);

4.5. Nguyễn Thanh X, sinh năm: 1951 (vắng mặt);

4.6. Nguyễn Văn R, sinh năm: 1937 (vắng mặt);

4.7. Nguyễn Văn X1, sinh năm: 1937 (vắng mặt);

4.8. Nguyễn Văn Nh1, sinh năm: 1969 (vắng mặt);

4.9. Nguyễn Thị Diễm Y, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

4.10. Nguyễn Bá O1, sinh năm: 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

4.11. Lê Văn U, sinh năm: 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

4.12. Nguyễn Út O2, sinh năm: 1987 (vắng mặt);

4.13. Nguyễn Thị I, sinh năm: 1948 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã J, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Văn P (là nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị T (bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Huỳnh Văn P tại cấp sơ thẩm) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha Nguyễn Văn Q2, mẹ Trần Thị C1 (đã chết) (Cha mẹ bà Nguyễn Thị T – cha mẹ vợ ông; Nguyễn Tùng T1 và Nguyễn Văn P1) cho ông Nguyễn Văn P1. Ông Nguyễn Văn P1 kêu vợ chồng ông ở năm 1985 vì lúc đó do hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, không có chỗ ở. Lúc vợ chồng ông về ở trên đất thì đất này không có ai canh tác nên vợ chồng ông vào khai phá và vợ chồng ông đã sử dụng đất từ đó cho đến nay, lúc cho đất ông T1 là người cầm trụ để xác định ranh giới quyền sử dụng đất. Đất vợ chồng ông giáp với đất của ông T1, anh Nguyễn Văn Nh1, Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp còn lại giáp với đường lộ liên xã và rạch Mã Trường. Năm 1994 ông Nguyễn Thanh H1 cất nhà ở lấn sang đất vợ chồng ông diện tích 170m² (ngang, dài bao nhiêu ông không biết được chính xác) trước nhà của vợ chồng ông mà không hỏi ý kiến của vợ chồng ông, khi vợ ông ra ngăn cản ông H1 cất

nhà thì ông H1 nói là ông T1 cho cất ở, năm 2011 ông H1 nói thêm mái nhà lần chiếm 85m² (ngang, dài bao nhiêu ông không biết được chính xác) đất của vợ chồng ông và Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B cất văn phòng với diện tích lần chiếm là 150m² (ngang, dài bao nhiêu ông không biết được chính xác). Vợ chồng ông đã đứng ra tranh chấp kéo dài từ đó cho đến nay.

Đối với phần đất này do vợ chồng ông sử dụng từ năm 1985 với diện tích 3.776m² đất ở, tuy nhiên do ông Nguyễn Văn P1 đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.472m² và sau đó ông Nguyễn Tùng T1 tự ý lập thủ tục do ông Nguyễn Văn P1 tặng cho (nhưng ông P1 mất vào ngày 30/11/2007 âm lịch) và đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/10/2009.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A buộc ông Nguyễn Tùng T1 trả lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.472m² đo đạc thực tế 3.868,1m². Buộc ông Nguyễn Thanh H1 di dời nhà, tài sản trả lại phần diện tích 255m² (đo đạc thực tế 300m²), buộc Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo di dời văn phòng, công trình và tài sản trả lại phần diện tích lần chiếm là 150m² (đo đạc thực tế 220m²) đất thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp cho vợ chồng ông. Đối với mộ của cha ông H1 và anh ông H1 ông không có yêu cầu ông H1 phải di dời. Đối với nhà của ông Q1 thì ông và ông Q1 tự thỏa thuận không có tranh chấp với ông Q1.

- Bị đơn Nguyễn Tùng T1 trình bày: Về nguồn gốc phần đất là của mẹ ông để lại cho ông Nguyễn Văn P1 (anh ruột ông), ông P1 cho vợ chồng P-T ở nhờ năm 1986. Trước khi ông P1 mất có cho lại ông để làm đất hương hỏa, chôn cất anh em, dòng họ khi mất. Ông đồng ý để cho ông P, bà T và các con ông P, bà T ở trên phần đất đã cất nhà ở theo xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 1.727,1m²; đối với ô đất 220m² thể hiện trên sơ đồ ông cho Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B mượn để cất văn phòng, còn một phần đất nơi Nguyễn Văn H1 cất nhà ở ông đồng ý để cho gia đình ông H1 ở 300m², đồng ý chuyển quyền sang tên cho Nguyễn Văn H1. Việc này ông và Nguyễn Văn H1 sẽ tự thỏa thuận với nhau. Đối với cây trên đất thuộc về phần ai thì người đó được hưởng. Nếu ông P có nhu cầu sử dụng ông cũng đồng ý cho ông P đón sử dụng hoặc di dời đi.

Nhà ông Q1 cất trên đất do mẹ ông cho ở nhờ, phần đất này tự ông và ông Q1 sẽ thỏa thuận với nhau không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trên đất có hai ngôi mộ là mộ của Nguyễn Văn T3 – anh rể ông chôn từ năm 1992, và mộ Nguyễn Công K (cháu ông – con ông T3) – chôn khoảng năm 2004, ông

không nhớ chính xác. Những ngôi mộ này vẫn giữ y vì mục đích ông giữ lại đất này để làm nơi chôn cất những người trong dòng họ.

- Bị đơn Nguyễn Thanh H1 trình bày: Anh ở trên đất từ năm 1983, ông Nguyễn Văn P1 cho anh ở và sau đó thì giữa anh và ông P1 có thỏa thuận mua bán với nhau đối với phần đất anh cất nhà ở hiện nay. Anh không đồng ý với yêu cầu của ông P, bà T, vì đất này anh đã mua và hiện nay ông T1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông T1 cũng đồng ý chuyển quyền sang tên cho anh phần đất này nên anh không có ý kiến. Đối với phần đất anh được ông T1 cho sử dụng có cây me và bụi chuối thì ông P, bà T tự di dời, hoặc đốn bỏ. Anh không có ý kiến vì cây me do ông P1 trồng, còn bụi chuối do bà T trồng.

- Bị đơn Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B do ông Lê Văn Th đại diện trình bày: Phần đất hiện Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B đang sử dụng để xây hàng rào và cất văn phòng là mượn của ông Nguyễn Tùng T1. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện A có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 08 tháng 4 năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số: 25/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1076/A4 của ông Nguyễn Tùng T1, đất tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 12 năm 2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số: 224/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, ngụ ấp U, xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp, do không có tình tiết mới và bác yêu cầu cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.776m², thửa 14, tờ bản đồ số 03, tại xã B cho bà Nguyễn Thị T. Giữ y Quyết định số: 25/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1076/A4 diện tích 3.472m², thửa 14, tờ bản đồ số 03, tại xã B do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên.

Đến ngày 10 tháng 12 năm 2015 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Công văn số: 860/VPUBND-TCĐ, về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tùng T1, ngụ huyện A. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh-Nguyễn Thanh H có ý kiến chỉ đạo: Giao Ủy ban nhân dân huyện A hủy các Quyết định số: 25/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện A và Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A và xem xét, giải quyết theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số: 10/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số: 11/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số: 25/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện A.

Đến nay, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết buộc ông Nguyễn Tùng T1 trả lại quyền sử dụng cho ông bà. Buộc ông Nguyễn Thanh H1 di dời nhà trả lại phần diện tích 255m², buộc Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B di dời văn phòng, công trình và tài sản trả lại phần diện tích 150m² thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên quyền sử dụng đất cho ông bà.

Ủy ban nhân dân huyện A đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T2 có văn bản trình bày ý kiến:

Chị là vợ của anh H1 năm 1983 ông P1 cho anh chị phần đất đang tranh chấp với ông P, khoảng năm 1986 ông P, bà T cất nhà ở tạm phía sau nền nhà của anh chị. Anh chị ở được một thời gian thì chồng chị là anh H1 có ký giấy mua bán đất với ông P1 đối với phần đất này. Hiện nay ông P, bà T yêu cầu gia đình anh chị di dời nhà trả đất thì chị không đồng ý vì đất này là của anh chị mua lại của ông P1. Chị không có ý kiến và yêu cầu gì khác trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N1 có văn bản trình bày ý kiến:

Anh là con ruột của anh Nguyễn Thanh H1, nguồn gốc đất anh nghe cha anh kể lại là của ông P1 cho cha anh ở và sau đó bán cho cha anh nay ông P, bà T yêu cầu gia đình anh di dời nhà trả đất anh không đồng ý và anh giao toàn quyền quyết định cho cha anh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết L1 có văn bản trình bày ý kiến:

Chị là con dâu của anh Nguyễn Thanh H1 hiện đang sống chung nhà với anh H1, chị T2, anh N1 (chồng chị) nay ông P bà T yêu cầu gia đình chị di dời nhà trả đất chị không có ý kiến và chị giao toàn quyền quyết định cho anh H1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh M1 và chị Nguyễn

Thị Y2 có văn bản trình bày ý kiến:

Đối với phần đất thửa số 14, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.472 m² (ONT), đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T đang tranh chấp với ông Nguyễn Tùng T1, trên phần đất này cha mẹ anh chị có cho anh chị cất một căn nhà bằng cấp 4, vách tường, lợp tol, nền gạch bông diện tích thì anh chị không nhớ rõ. Đối với phần diện tích anh chị cất nhà do cha mẹ cho cất vì vậy anh chị không có ý kiến gì mà giao toàn quyền quyết định cho cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T. Anh chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 có văn bản trình bày ý kiến:

Đối với phần đất thửa số 14, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.472 m² (ONT), đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T đang tranh chấp với ông Nguyễn Tùng T1, trên phần đất này cha mẹ anh chị có cho anh chị cất một căn nhà bằng cây tre, lợp thiết, vách ván, sàn gỗ tạp diện tích thì anh chị không nhớ rõ. Đối với phần diện tích anh chị cất nhà do cha mẹ cho cất vì vậy anh chị không có ý kiến gì mà giao toàn quyền quyết định cho cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T. Anh chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường G và chị Huỳnh Thị Thanh Y có văn bản trình bày ý kiến:

Đối với phần đất thửa số 14, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.472 m² (ONT), đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T đang tranh chấp với ông Nguyễn Tùng T1, trên phần đất này cha mẹ anh chị có cho anh chị cất một căn nhà bằng cây gỗ tạp, lợp tol, vách thiết, sàn gỗ tạp diện tích thì anh chị không nhớ rõ. Đối với phần diện tích anh chị cất nhà do cha mẹ cho cất vì vậy anh chị không có ý kiến gì mà giao toàn quyền quyết định cho cha mẹ anh chị là Huỳnh Văn P và Nguyễn Thị T. Anh chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vũ L1 và chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 không có văn bản nêu ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 15/2017/QĐ-SCBSBA ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị T về việc

yêu cầu ông Nguyễn Tùng T1 chuyển trả quyền sử dụng đất thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.472m² đo đạc thực tế 3.868,1m² đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tùng T1 về việc cho gia đình ông P, bà T, anh S, chị Tr1, anh M1, chị Y2, anh G, chị Y, chị Thùy Tr1, anh L1 quyền sử dụng diện tích đất 1.727,1m² thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 03, và toàn bộ cây trồng trên diện tích đất này. Diện tích đất được xác định như sau:

- Hướng Bắc giáp đất chị Y, ông O2, ông Nh1: 55,68m (Từ điểm 2 đến 3 đến 4);

- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa số 14: 33,88m (Từ điểm 12 đến 13); một phần giáp phần còn lại của thửa do anh Nguyễn Thanh H1 sử dụng: 18,69m (Từ điểm 7 đến 8);

- Hướng Đông giáp lộ nhựa: 19,1m (Từ điểm 4 đến 5 đến 8); một phần giáp phần còn lại của thửa do anh Nguyễn Thanh H1 sử dụng: 18,01m (Từ điểm 7 đến 12);

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 14: 41,36m.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện A và Sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A)

- Ông T1, ông P, bà T, anh S, chị Tr1, anh M1, chị Y2, anh G, chị Y, chị Thùy Tr1 và anh L1 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên hoặc lập thủ tục để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tùng T1 về việc cho ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị T di dời hoặc đốn sử dụng phần cây trồng trên diện tích đất còn lại gồm có: 05 (năm) cây me tây; 04 (bốn) cây bạch đàn; 02 (hai) cây me; 02 (hai) cây xoài; 04 (bốn) cây gòn; 08 (tám) cây gạo và 48 (bốn mươi tám) cây chuối.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị T phải trả và đã trả xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn P kháng cáo

không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị T gồm ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông P và bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn trình bày: Toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp trong vụ án này là do gia đình ông P, bà T khai phá sử dụng trồng cây và làm nhà ở ổn định, lâu dài từ năm 1985 đến nay nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp cho ông T1 và công nhận toàn bộ diện tích đất thuộc thửa số 14 cho gia đình ông P để cấp lại cho gia đình ông P đứng tên sử dụng là hoàn toàn phù hợp pháp luật và chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của phía gia đình ông P. Đồng thời, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc hộ ông H1 và Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B phải có nghĩa vụ di dời nhà, văn phòng và tài sản để giao trả lại đất cho gia đình ông P, vì phần đất trên là của ông P, bà T sử dụng từ năm 1985 đến nay; Mặt khác theo hồ sơ tặng cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14 trên giữa ông P1 với ông T1 vào năm 2009 là chưa bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định vì theo mộ bia cũng như xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Thọ thì ông P1 chết năm 2007, chết trước khi chuyển nhượng đất cho ông T1 nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T1 vào năm 2009, vì cấp sai trình tự, thủ tục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và công nhận cho phía nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích 1.727.1m² theo như án sơ thẩm đã xét xử; Sửa bản án sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại phần quyết định tuyên án của bản án sơ thẩm cho đúng theo yêu cầu tranh chấp của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đại diện của Ủy ban nhân dân huyện A có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm là đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Riêng ông Lê Văn Q1 và các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q1 và các người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị Thị T với bị đơn ông Nguyễn Tùng T1, ông Nguyễn Thanh H1 và Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo xã B là tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 được xác định có vị trí, tứ cận, số đo theo Sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A ngày 23/3/2017, đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử buộc ông Nguyễn Tùng T1 trả quyền sử dụng đất cho phía nguyên đơn diện tích 3.348,1m² tại các mốc 1, 2, 13, 16, 15, 14 về mốc 1; Buộc ông Nguyễn Thanh H1 di dời nhà và tài sản trả cho nguyên đơn 300m² tại các mốc 7, 8, 9, 10, 11, 12 về mốc 7; Buộc Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo di dời tài sản trả cho nguyên đơn diện tích là 220m² tại các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17 về mốc 9 thuộc một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 theo Sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A ngày 23/3/2017.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của phía nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ pháp lý nào khác để chứng minh toàn bộ diện tích thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp trong vụ án này là thuộc quyền sử dụng của phía nguyên đơn, mà thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp trên có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn P1 đứng tên sử dụng, sau đó vào năm 2009 ông P1 chuyển nhượng tặng cho lại ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên sử dụng đến nay; Ông Huỳnh Văn P trình bày cho rằng phần đất này do ông sử dụng ổn định, lâu dài và yêu cầu ông T1 phải chuyển trả quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Xét yêu cầu này của ông P là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì ông P thừa nhận phần đất này là của ông

P1, ông P1 cho vợ chồng ông P cất nhà ở vào năm 1985 và khi ông P1 đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông P cũng đồng ý và không có tranh chấp gì. Điều đó cho thấy toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 đang tranh chấp trên là của ông P1 cho gia đình ông P, bà T sử dụng và cất nhà ở nhờ là đúng sự thật; Đồng thời, tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm thì phía nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh toàn bộ thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 trên là do ông P1 chuyển nhượng hay tặng cho gì phía nguyên đơn. Do đó nghĩ nên buộc ông P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T gồm: Chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1 và anh Huỳnh Thanh L phải có nghĩa vụ bứng, đốn, di dời toàn bộ cây trồng và tài sản nằm trong phạm vi đất tranh chấp để giao trả lại cho ông Nguyễn Tùng T1 sử dụng diện tích 1.621m² trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của phía nguyên đơn về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Thanh H1 và Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B di dời nhà, hàng rào và một phần Văn phòng Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo để trả đất cho phía nguyên đơn như yêu cầu trên là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì phía nguyên đơn không có quyền sử dụng gì đối với phần đất này như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[6] Tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Tùng T1 vẫn đồng ý cho phía nguyên đơn tiếp tục sử dụng phần diện tích 1.727,1m² thuộc một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 và cho phía nguyên đơn sử dụng, sở hữu toàn bộ cây trồng trên diện tích 1.727,1m² đất này. Xét đây là sự tự nguyện của ông T1 là không trái pháp luật và phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Nh (vợ ông P1), chị Nguyễn Thị Tuyết A1 (con ông P1) và bà Nh, chị A1 cũng đồng ý cho phía nguyên đơn tiếp tục sử dụng diện tích 1.727,1m² và sở hữu toàn bộ cây trồng trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P trình bày nếu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc gia đình ông trả diện tích 1.621m² còn lại cho ông T1 thì gia đình ông P sẽ tự bứng, đốn, di dời các loại cây trồng và tài sản trên đất và không yêu cầu bồi thường gì đối với các loại cây trồng và tài sản trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8] Đối với phần đất ông Lê Văn Q1, gia đình anh Nguyễn Thanh H1 cất nhà ở và phần đất Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B làm trụ sở và sử dụng. Đây là các phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Tùng T1. Do ông Q1, anh H1 và ông Th – Trưởng Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo với ông T1 thống nhất tự thỏa thuận với nhau

và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Do phía nguyên đơn bị buộc thực hiện một phần nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do phía nguyên đơn thuộc trường hợp hộ nghèo nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông P, bà T không được chấp nhận nên ông P, bà T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định. Số tiền chi phí này ông P, bà T đã nộp và chi xong.

[11] Xét lời trình bày yêu cầu của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận như Hội đồng xét xử đã nhận định và phân tích trên.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[13] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà T; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T và sửa bản án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[14] Do phần quyết định tuyên xử của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng và chưa đầy đủ về nội dung tranh chấp trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn P, bà Nguyễn Thị T.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2017/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Tùng T1 trả quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.727,1m², thuộc một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

4. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tùng T1, về việc cho ông Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị T gồm: Ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 1.727,1m² thuộc một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 và toàn bộ cây trồng trên diện tích 1.727,1m² đất này. Tứ cận của diện tích đất 1.727,1m². Tứ cận của diện tích 1.727,1m² được thể hiện như sau:

+ Hướng Bắc giáp đất chị Y, ông O2, ông Nh1: 55,68m (Từ mốc 2 đến mốc 3 đến 4);

+ Hướng Nam giáp phần còn lại thửa đất số 14: 33,88m (Từ mốc 12 đến mốc 13); một phần giáp phần còn lại của thửa do anh Nguyễn Thanh H1 sử dụng: 18,69m (Từ mốc 7 đến mốc 8);

+ Hướng Đông giáp lộ nhựa: 19,1m (Từ mốc 4 đến mốc 5 đến mốc 8); một phần giáp phần còn lại của thửa do anh Nguyễn Thanh H1 sử dụng: 18,01m (Từ mốc 7 đến mốc 12);

+ Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 14: 41,36m (Từ mốc 13 đến mốc 2).

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P và và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị T gồm: Ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Thanh H1 trả quyền sử dụng đất diện tích là 300m² thuộc một phần của thửa 14, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên ngày 20/10/2009.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị T gồm: Ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L, về việc yêu cầu Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo xã B trả quyền sử dụng đất diện tích là 220m² thuộc một phần của thửa 14, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên ngày 20/10/2009.

7. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị T gồm: Ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị

Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L, về việc yêu cầu ông Nguyễn Tùng T1 trả quyền sử dụng đất đối với diện tích là 1.621m² thuộc một phần của thửa 14, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên ngày 20/10/2009.

8. Buộc ông Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T gồm ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L phải có nghĩa vụ bứng, đốn, di dời toàn bộ cây trồng và tài sản nằm trong phạm vi đất tranh chấp để giao trả lại cho ông Nguyễn Tùng T1 sử dụng diện tích 1.621m² tại các mốc 1, 2, 13, 16, 15, 14 và 1 thuộc một phần của thửa 14, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Tùng T1 đứng tên ngày 20/10/2009. Tứ cận của diện tích 1.621m² trên được thể hiện như sau:

- + Hướng Bắc có kích thước 34,53m (từ mốc 1 đến mốc 2);
- + Hướng Nam có kích thước 36,55m (từ mốc 15 đến mốc 16);
- + Hướng Đông có kích thước 43,99m (từ mốc 2, mốc 13, mốc 16);
- + Hướng Tây có kích thước 46,47m (từ mốc 1, mốc 14, mốc 15).

9. Ông T1, ông P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký, tách, chuyển và điều chỉnh đối với diện tích được Tòa án tuyên hưởng, sử dụng tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 03 theo luật định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện A và Sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A).

10. Về án phí: Ông Huỳnh Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T gồm ông Huỳnh Văn P, chị Huỳnh Thị Thanh Y, anh Huỳnh Thanh M1, anh Huỳnh Thanh S, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Thanh Y1, chị Huỳnh Thị Thúy P1, anh Huỳnh Thanh L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

11. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị T đã nộp chi xong.

12. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

n Ngọc Giao